HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14/2021/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 16 tháng 7 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, một số mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc đề nghị ban hành Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, một số mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 195/BC-BVHXH ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, một số mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021, thay thế Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân tỉnh Lào Cai về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng TU, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Vũ Xuân Cường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Mức chuẩn trợ giúp xã hội, một số mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các mức trợ giúp xã hội và nội dung khác có liên quan đến trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Các đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội bao gồm:

a) Đối tượng thuộc diện hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng;

b) Đối tượng trợ giúp xã hội khẩn cấp;

c) Đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng;

d) Đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Lào Cai;

đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, gia đình, cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội

Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai là 360.000 đồng/tháng.

Điều 3. Mức trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng

Mức hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 11, Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội là 7.200.000 đồng/người. Trường hợp đối tượng được hỗ trợ chi phí mai táng quy định tại nhiều văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Điều 4. Mức trợ giúp xã hội khẩn cấp

1. Hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc do các lý do bất khả kháng khác tại nơi cư trú được xem xét hỗ trợ với mức hỗ trợ 3.600.000 đồng/người.

2. Hỗ trợ chi phí mai táng

a) Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức hỗ trợ 18.000.000 đồng/người.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết quy định tại điểm a khoản này do không có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng thì được xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng với mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

3. Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở:

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/hộ.

b) Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ.

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ.

Điều 5. Mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng

1. Hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng tại khoản 1 Điều 5 và điểm d khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội như sau:

a) Hỗ trợ 900.000 đồng đối với trường hợp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em dưới 04 tuổi.

b) Hỗ trợ 540.000 đồng đối với trường hợp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi.

2. Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng cho đối tượng quy định tại khoản 6 điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội như sau:

a) Mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hằng tháng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi được quy định như sau:

- Hỗ trợ 540.000 đồng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi một con dưới 36 tháng tuổi;

- Hỗ trợ 720.000 đồng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai và nuôi một con dưới 36 tháng tuổi hoặc nuôi hai con dưới 36 tháng tuổi trở lên;

- Trường hợp người khuyết tật thuộc diện hưởng các hệ số khác nhau quy định tại điểm này thì chỉ được hưởng một hệ số cao nhất; trường hợp cả vợ và chồng là người khuyết tật thuộc diện hưởng hỗ trợ kinh phí chăm sóc hằng tháng quy định tại điểm này thì chỉ được hưởng một suất hỗ trợ kinh phí chăm sóc.

b) Trường hợp người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang hưởng trợ cấp xã hội quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội nhưng mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì vẫn được hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mỗi một người khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc là 360.000 đồng.

d) Hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng được hỗ trợ kinh phí chăm sóc với hệ số được quy định như sau:

- Hỗ trợ 540.000 đồng đối với trường hợp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng mỗi một người khuyết tật đặc biệt nặng;

- Hỗ trợ 900.000 đồng đối với trường hợp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng mỗi một trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.

Điều 6. Mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Lào Cai

1. Đối tượng được hỗ trợ, chăm sóc, nuôi dưỡng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội khi sống tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Lào Cai được hỗ trợ theo mức sau:

a) Hỗ trợ 1.800.000 đồng đối với trẻ em dưới 04 tuổi;

b) Hỗ trợ 1.440.000 đồng đối với các đối tượng từ đủ 04 tuổi trở lên.

2. Hỗ trợ chi phí mai táng khi chết (kể cả hỏa táng): Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí chi hỗ trợ theo từng thời điểm phát sinh.

3. Cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày, chăn, màn, chiếu, quần áo mùa hè, quần áo mùa đông, quần áo lót, khăn mặt, giày, dép, bàn chải đánh răng, thuốc chữa bệnh thông thường, vệ sinh cá nhân hằng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ; sách, vở, đồ dùng học tập đối với đối tượng đang đi học và các chi phí khác theo thực tế phát sinh và dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Đối với các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Lào Cai được chi từ ngân sách cấp tỉnh.

2. Chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội do cấp huyện quản lý được chi từ nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thời điểm áp dụng của Nghị quyết: Từ ngày 01/7/2021.

2. Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân

dân tỉnh Lào Cai về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020 nếu đủ điều kiện được hưởng trợ cấp theo quy định tại Nghị quyết từ ngày 01/7/2021.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.